TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 24-5-2019
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Đăng Bảy;
2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Thế Nam – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019, về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1971
Nơi cư trú: Thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Ông Cao Văn H, sinh năm: 1964
Nơi cư trú: Thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Cao Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011. Sau đó bà và ông Cao Văn H tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15, ký ngày 11 tháng 5 năm 2016. Trong thời gian chung sống

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2017 thì mâu thuẫn càng trầm trọng. Ông Cao Văn H thường xuyên rượu chè, say xỉn rồi kiếm chuyện mắng chửi, đánh đập bà khiến vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát, cãi vả. Lần trầm trọng nhất là vào khoảng tháng 11 năm 2018 ông Cao Văn H cho rằng bà ngoại tình rồi cầm búa đánh vào tay bà và đuổi bà ra khỏi nhà. Sau đó, ông Cao Văn H thường xuyên có hành động, lời nói đe dọa bà nên bà đã sống ly thân với ông Cao Văn H từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông Cao Văn H không có thái độ, hành động thể hiện mong muốn đoàn tụ vợ chồng mà còn bêu xấu bà trên mạng xã hội. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông Cao Văn H nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà và ông Cao Văn H có 01 con chung tên là Cao Văn Ph sinh ngày 14 tháng 02 năm 2015. Hiện nay cháu Cao Văn Ph đang sống với ông Cao Văn H, bà không có nơi ở ổn định nên bà có nguyện vọng tiếp tục giao cháu Cao Văn Ph cho ông Cao Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Bà và ông Cao Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Về nuôi con chung: Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Cao Văn Ph sinh ngày 14 tháng 02 năm 2015 cho ông Cao Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy chứng nhận kết hôn số số 15, ký ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước (bản sao); Giấy khai sinh mang tên Cao Văn Ph (bản photo chứng thực); Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị B (bản photo chứng thực)

- Biên bản lấy lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B ngày 28/02/2019

- Biên bản lấy lời khai của người làm chứng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Cao Văn H (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Cao Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B khai nhận bà và ông Cao Văn H có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15, ký ngày 11 tháng 5 năm 2016. Lời khai của bà Nguyễn Thị B phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị B và ông Cao Văn H là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị B khai nhận trong thời gian chung sống ông Cao Văn H thường xuyên rượu chè, say xỉn, không chăm lo phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, ông Cao Văn H không tin tưởng tình cảm bà Nguyễn Thị B, nghi ngờ bà Nguyễn Thị B ngoại tình, ghen tuông vô cớ, có hành vi bạo lực về mặt thể xác, tinh thần đối với bà Nguyễn Thị B. Lời khai của bà Nguyễn Thị B phù hợp với lời khai của người làm chứng (bút lục số 15). Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*. Quá trình giải quyết vụ án, ông Cao Văn H đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Hiện nay, bà Nguyễn Thị B và ông Cao Văn H sống ly thân, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông Cao Văn H có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị B.

[4] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị B khai nhận bà và ông Cao Văn H có 01 con chung tên là Cao Văn Ph sinh ngày 14 tháng 02 năm 2015. Bà Nguyễn Thị B có nguyện vọng tiếp tục giao cháu Cao Văn Ph cho ông Cao Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét cháu Cao Văn Ph mới 04 tuổi cần sự chăm sóc, trông nom trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Bà Nguyễn Thị B xác nhận hiện nay cháu Cao Văn Ph đang được ông Cao Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Cao Văn H có nơi ở ổn định và có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà Nguyễn Thị B thừa nhận hiện nay bà không có nơi ở, công việc ổn định và bà không có điều kiện để nuôi dạy cháu Cao Văn Ph phát triển đầy đủ. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Cao Văn Phước theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B, giao cháu Cao Văn Ph cho ông Cao Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Bà Nguyễn Thị B khai nhận bà và ông Cao Văn H tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị B khai nhận bà và ông Cao Văn H không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Cao Văn H

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Cao Văn Ph sinh ngày 14 tháng 02 năm 2015 cho ông Cao Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Cao Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009156 ngày 22 tháng 01 năm 2019 *(đã nộp xong)*.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/5/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh